

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 03-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định

Bà Lý Thị The

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Thắng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, - Lai Châu tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS, ngày 31 tháng 10 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2025/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Tổng Văn B**, sinh năm 1986, tại tỉnh Lai Châu; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản Bó, xã M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Văn P, sinh năm 1947 và con bà Phìn Thị L, sinh năm 1947; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/9/2025 tại xã M, tỉnh Lai Châu cho đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Tổng Văn H, sinh năm 1969; trú tại: Bản B, xã M, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt có lý do.

- *Những người làm chứng:* Bà Tổng Thị K, sinh năm 1971, địa chỉ: Bản B, xã M, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 09/7/2025, Tổng Văn B đi bộ từ nhà tại bản B, xã M, tỉnh Lai Châu sang nhà ông Tổng Văn H, sinh năm 1969, trú cùng bản để xin thuốc lá. Lúc này, nhà ông H không có ai, B thấy ở chân cột bê tông hàng rào thép B40 trước cửa nhà có 01 chiếc điện thoại REALME, màu xanh lá, ốp lưng nhựa màu trắng đang úp màn hình xuống, sau đó B đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, B quay lại nhà ông H với mục đích lấy trộm điện thoại đã thấy trước đó để bán lấy tiền tiêu xài. Thấy không có ai ở nhà và chiếc điện thoại vẫn đặt tại vị trí cũ. B đi vào lấy chiếc điện thoại của ông H cất giấu vào trong người rồi đi về nhà. Về đến nhà, B tháo sim trong điện thoại ra cất giấu tại

đầu giường ngủ và cho chiếc điện thoại vào trong 01 túi nilon màu đỏ rồi cất giấu vào gầm kho thóc trong nhà.

Ngày 09/7/2025, ông Tống Văn H đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra tố cáo Tống Văn B do có nghi ngờ B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do bà Tống Thị K (vợ của ông H) nhìn thấy B đi vào trong nhà. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập, lấy lời khai đối với Tống Văn B. Quá trình làm việc, B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vật chứng tài sản thu giữ, xử lý trong vụ án: Thu giữ 01 điện thoại màn hình cảm ứng, mặt sau có in chữ REALME, màu xanh lá, ốp lưng nhựa màu trắng (đã qua sử dụng), 01 sim điện thoại Viettel 4G (đã qua sử dụng), 01 túi nilon màu đỏ. Ngày 15/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại, ốp lưng nhựa màu trắng và 01 sim điện thoại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Tống Văn H. Việc xử lý vật chứng như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vật chứng hiện còn: 01 túi nilon màu đỏ màu đỏ, hiện đang được niêm phong và bảo quản theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 02/08/2025 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc của Ủy ban nhân dân tỉnh L kết luận: *“Điện thoại Realme C65s6-128GB, màu xanh lá đã qua sử dụng 08 tháng, đến thời điểm định giá tháng 7/2025 với giá mua cũ (giá bán lẻ) là 2.033.000 đồng”*.

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-KV4, ngày 31/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu để xét xử bị cáo Tống Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Điều luật có quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về bản kết luận điều tra của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L; bản kết luận định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh L và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tống Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Tống Văn B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, Điều 106 BLTTHS: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu đỏ (đã qua sử dụng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Tống Văn H không yêu cầu bị cáo phải

bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu mức án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tuy nhiên, trước đó đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo theo tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra, kết luận định giá, biên bản thu giữ vật chứng cùng các tài liệu và chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng sở hữu của chủ sở hữu trong việc cất giữ tài sản, khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 09/7/2025, tại nhà ông Tống Văn H thuộc bản Bó, xã M, tỉnh Lai Châu, Tống Văn B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu REALME của ông Tống Văn H có trị giá 2.033.000 đồng.

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhân thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Điều luật quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc

phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...
5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng:

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức rõ hành vi Trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Tống Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu REALME ông đã được nhận lại nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Vật chứng thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường: 01 túi nilon màu đỏ (đã qua sử dụng), xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu mức án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 38; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tống Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tống Văn B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Tống Văn H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

4. Vật chứng của vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu đỏ (đã qua sử dụng).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lai Châu).

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp trên. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4 - Lai Châu;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lai Châu PV 06;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lai Châu;
- UBND xã Mường Tè, Lai Châu;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Văn Dũng

